CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
39 Trịnh Đình Thảo, P Khuê Trung, Q Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng

Mẫu số: B 01 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý II năm 2021
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**40.510.022.066**	**37.251.551.721**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**VI.2**	**6.191.699.803**	**15.167.511.421**
1. Tiền	111		6.191.699.803	15.167.511.421
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**6.933.355.461**	**8.226.907.570**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		6.933.355.461	4.226.907.570
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	4.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**18.539.995.089**	**7.451.943.844**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.4	19.079.062.086	8.111.236.844
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		233.097.800	3.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.5	261.705.992	155.660.088
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	VI.6	(1.033.870.789)	(817.953.088)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**8.484.633.052**	**5.877.892.627**
1. Hàng tồn kho	141	VI.7	9.285.654.979	6.678.914.554
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(801.021.927)	(801.021.927)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**360.338.661**	**527.296.259**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.8a	334.691.380	480.434.453
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		25.647.281	46.861.806
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**12.306.435.628**	**13.185.823.609**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**11.381.363.426**	**11.497.774.967**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9	3.053.217.742	3.169.629.283
- Nguyên giá	*222*		*7.143.943.163*	*7.084.443.163*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(4.090.725.421)*	*(3.914.813.880)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	VI.10	8.328.145.684	8.328.145.684
- Nguyên giá	*228*		*8.328.145.684*	*8.328.145.684*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		-	-
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**593.390.084**	**593.390.084**
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	VI.11	593.390.084	593.390.084
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**331.682.118**	**1.094.658.558**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.8a	331.682.118	1.094.658.558
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		***52.816.457.694***	**50.437.375.330**

Signature Not Verified
Ký bởi: NGUYỄN VŨ THANH BÌNH
Ký ngày: 17/7/2021 10:33:44

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**15.450.956.927**	**13.680.423.212**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**15.427.946.927**	**13.671.423.212**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.12	9.678.331.211	4.664.377.281
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		35.666.730	58.732.710
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.13	606.906.224	29.758.026
4. Phải trả người lao động	314		1.885.312.066	1.652.467.273
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.14a	2.884.140.579	2.239.098.687
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	4.224.399.118
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		337.590.117	802.590.117
II. Nợ dài hạn	**330**		**23.010.000**	**9.000.000**
1. Phải trả người bán dài hạn	331		14.010.000	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	VI.14b	9.000.000	9.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**37.365.500.767**	**36.756.952.118**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**37.365.500.767**	**36.756.952.118**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		14.986.800.000	14.986.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*	VI.16a	*14.986.800.000*	*14.986.800.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	*411b*		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	VI.16a	2.859.726.199	2.859.726.199
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	VI.16a	2.562.527.956	2.562.527.956
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	VI.16a	16.956.446.612	16.347.897.963
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*14.249.745.963*	*12.620.104.472*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*	VI.16d	*2.706.700.649*	*3.727.793.491*
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**52.816.457.694**	**50.437.375.330**

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 07 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
Trần Trọng Hiếu	Nguyễn Thị Minh Tâm	Lý Xuân Hoàn

M.S.D.N: 0400463... C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG * THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG *

Công ty cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng

39 Trịnh Đình Thảo, P Khuê Trung, Q Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng

Mẫu số B 02 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý II năm 2021

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	26.836.620.734	21.478.009.666	34.124.575.312	27.854.684.628
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.2	542.252.730	401.509.675	547.911.610	401.509.675
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		26.294.368.004	21.076.499.991	33.576.663.702	27.453.174.953
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.3	19.868.906.178	14.516.523.510	24.986.968.800	18.948.576.604
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		6.425.461.826	6.559.976.481	8.589.694.902	8.504.598.349
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	934.481.793	207.958.982	2.118.980.436	319.732.557
7. Chi phí tài chính	22	VII.5	262.869.858	(81.752.586)	895.964.987	(81.752.586)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	62.774.425	0	62.774.425
8. Chi phí bán hàng	25	VII.6b	1.896.762.882	1.874.999.830	2.506.957.764	2.332.592.207
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.6a	2.487.857.583	2.239.712.450	3.920.133.826	3.276.201.611
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		2.712.453.296	2.734.975.769	3.385.618.761	3.297.289.674
11. Thu nhập khác	31		0	0	0	0
12. Chi phí khác	32		0	17.198.465	0	17.198.465
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		0	(17.198.465)	0	(17.198.465)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.712.453.296	2.717.777.304	3.385.618.761	3.280.091.209
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.8	537.985.019	593.797.815	678.918.112	694.068.276
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50–51-52)	60		2.174.468.277	2.123.979.489	2.706.700.649	2.586.022.933
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		0	0	1.806	1.415
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		0	0	1.806	1.415

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 07 năm 2021

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*
Trần Trọng Hiếu	Nguyễn Thị Minh Tâm	Lý Xuân Hoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
39 Trịnh Đình Thảo, P Khuê Trung, Q Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng

Mẫu số: B 03 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của BTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1.	Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		55.432.828.668	15.104.623.391
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(57.875.643.667)	(13.022.853.327)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.143.326.511)	(2.151.201.084)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04	5	(8.868.324)	(62.774.425)
5.	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	13	(30.801.098)	(141.273.122)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		300.954.186	170.677.716
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.485.917.017)	(975.431.295)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(6.810.773.763)**	**(1.078.232.146)**
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1.	Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	9	(59.500.000)	(8.263.104.475)
2.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(2.000.000.000)
3.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	3	4.000.000.000	12.000.000.000
4.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
5.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			1.000.000.000
6.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4,5	160.865.913	702.222.557
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**4.101.365.913**	**3.439.118.082**
III	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**				
1.	Tiền thu từ đi vay	33		5.035.441.620	3.000.000.000
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(9.259.840.738)	(3.000.000.000)
3.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	13,15d	(2.042.004.650)	(2.397.888.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(6.266.403.768)**	**(2.397.888.000)**
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**		**(8.975.811.618)**	**(37.002.064)**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2	15.167.511.421	3.442.080.731
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**2**	**6.191.699.803**	**3.405.078.667**

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 07 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*
Trần Trọng Hiếu	Nguyễn Thị Minh Tâm	Lý Xuân Hoàn

M.S.D.N: 0400463... CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là 'Công ty') được thành lập theo Quyết định số 395/QĐ-TC ngày 29 tháng 3 năm 2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000258 ngày 02/4/2004 của Sở Kế hoạch - Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 6 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 23/4/2021 với mã số doanh nghiệp là 0400463362.

Vốn điều lệ: 14.986.800.000 đồng

Vốn góp thực tế đến ngày 30/6/2021 của Công ty là 14.986.800.000 đồng, trong đó vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 29,41% vốn điều lệ.

1. **Hình thức sở hữu vốn**: là công ty cổ phần với vốn điều lệ là 14.986.800.000 đồng. Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 06/12/2006 theo Giấy chứng nhận giao dịch cổ phiếu số 65/TTGDHN-ĐKGD ngày 06/12/2006 của Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là DAE.

2. **Lĩnh vực kinh doanh**: xuất bản và phát hành sách.

3. **Ngành nghề kinh doanh chính**:

- Xuất bản sách, chi tiết: liên kết xuất bản sách, báo, tạp chí và các ấn phẩm khác;
- In và phát hành sách, báo, tạp chí, bản đồ tranh ảnh giáo dục, đĩa CD room và các ấn phẩm khác;
- Sản xuất và kinh doanh các loại văn phòng phẩm và thiết bị giáo dục;
- Dịch vụ photocopy, cho thuê văn phòng, quảng cáo thương mại;
- Đại lý mua bán ký gởi hàng hóa;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp các sản phẩm có liên quan đến chức năng hoạt động của Công ty.

4. **Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:

a. Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,…) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán nếu có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ bị giảm so với giá trị ghi sổ

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gởi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, được xác định như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

  Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

3. *Nguyên tắc kế toán nợ phải thu*

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính.

4. *Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính.

5. *Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ:*

a. *Tài sản cố định hữu hình*

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh đối với các tài sản cố định là phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Phương tiện vận tải	3 - 5
Thiết bị, dụng cụ quản lý	1,5 - 2

b. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không trích khấu hao.

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

a. Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với bán lịch block; 5% đối với các loại từ điển và sách tham khảo không thuộc loại bổ trợ sách giáo khoa; Các mặt hàng sách giáo khoa, sách tham khảo bổ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

a. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gởi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

b. Các bên liên quan

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

VI. Các sự kiện hoặc giao dịch trọng yếu trong 6 tháng đầu năm 2021

1. Chu kỳ hoạt động sản xuất của doanh nghiệp 12 tháng, thời vụ vào quý II & III hằng năm.

2. Tiền

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	22.204.997	4.970.052
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.169.494.806	10.916.962.311
Tiền đang chuyển	-	4.245.579.058
Cộng	**6.191.699.803**	**15.167.511.421**

3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	-	4.000.000.000
Cộng	**-**	**4.000.000.000**

4. Phải thu khách hàng

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
Nhà sách Yến Công	3.256.704.753	1.996.152.163
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	-	779.955.900
Phòng GD tiểu học - Sở GD&ĐT TT-Huế	486.634.854	588.516.354
Công ty CP Quốc Tế Việt Kim Long	500.000.147	500.000.147
Công ty CP ĐT&PT Giáo Dục Thanh Hoa	672.545.400	969.246.490
Các khoản phải thu khách hàng khác	14.163.176.932	3.277.365.790
Cộng	**19.079.062.086**	**8.111.236.844**

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Mối quan hệ: Chung công ty đầu tư	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	-	779.955.900
Công ty CP Đầu tư & PT GD Đà Nẵng	3.701.738.783	561.108.876
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	614.275.001	44.893.881

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam	311.973.880	161.098.680
Công ty CP Sách - TBGD Bình Dương	37.952.590	16.229.890
Công ty CP Phát hành Sách GD	1.352.489.800	572.313.410
Cộng	**6.018.430.054**	**2.135.600.637**

5. Phải thu khác

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
a. Ngắn hạn		
Lãi dự thu	-	62.597.260
Phải thu BHXH, ...	71.205.992	16.062.828
Tạm ứng CBCNV	190.500.000	77.000.000
Cộng	**261.705.992**	**155.660.088**

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Dự phòng cho các khoản nợ trên 3 năm	625.945.534	284.968.627
Dự phòng cho các khoản nợ trên 2 năm đến dưới 3 năm	164.607.828	238.852.535
Dự phòng cho các khoản nợ trên 1 năm đến dưới 2 năm	243.317.427	117.577.020
Dự phòng cho các khoản nợ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	-	176.554.906
Cộng	**1.033.870.789**	**817.953.088**

7. Hàng tồn kho

	30/6/2021 VND		01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.106.508.085		2.186.614.833	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	697.007.172		665.460.116	
Thành phẩm	5.482.139.722	801.021.927	3.826.839.605	801.021.927
Cộng	**9.285.654.979**	**801.021.927**	**6.678.914.554**	**801.021.927**

8. Chi phí trả trước

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ - Dụng cụ	9.451.514	149.646.423
Thuế GTGT không được khấu trừ phân bổ cho hàng tồn kho	304.693.680	304.693.680

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Chi phí thiết kế, biên tập sách, phí quản lí xuất bản	20.546.186	26.094.350
Cộng	**334.691.380**	**480.434.453**
b. Đấu thầu - Liên kết làm sách TK		
Chi phí đấu thầu - liên kết làm sách TK	331.682.118	1.094.658.558
Cộng	**331.682.118**	**1.094.658.558**

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số đầu năm 2021	5.132.954.910	1.853.397.344	98.090.909	7.084.443.163
Mua sắm trong kỳ	-	-	59.500.000	59.500.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2021	**5.132.954.910**	**1.853.397.344**	**157.590.909**	**7.143.943.163**
Khấu hao				
Số đầu năm 2021	1.963.325.627	1.853.397.344	98.090.909	3.914.813.880
Khấu hao trong kỳ	153.945.585	-	21.965.956	175.911.541
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2021	**2.117.271.212**	**1.853.397.344**	**120.056.865**	**4.090.725.421**
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	3.169.629.283	-	-	3.169.629.283
Số dư tại 30/6/2021	**3.015.683.698**	-	**37.534.044**	**3.053.217.742**

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2021 là 1.951.488.253 đồng.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản số định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài, cụ thể:

- Tại 78 Pasteur-P.Hải Châu 1, Q.Hải Châu, TP.Đà Nẵng, nguyên giá: 1.500.400.000 đồng
- Tại 39 Trịnh Đình Thảo, P.Khuê Trung, Q.Cẩm Lệ, TP.Đà Nẵng, nguyên giá: 6.827.745.684 đồng

Công ty không trích khấu hao đối với các tài sản cố định vô hình này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

11. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

			30/6/2021				01/01/2021		
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc VND	Dự phòng	Giá trị hợp lý
+ Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác									
- Cty CP Bản đồ & TA GD (ECI)	Đang h/động	0,0%	94	1.086.084	-	3.637.800	1.086.084	-	1.504.000
- Cty CP In PHS & TBTH Q/Nam (i)	Đang h/động	7,5%	33.750	242.304.000	-		242.304.000	-	
- Cty CP DV XB GD tại Đà Nẵng (i)	Đang h/động	8,76%	35.000	350.000.000	-		350.000.000	-	
Cộng				**593.390.084**	**-**	**3.637.800**	**593.390.084**	**-**	**1.504.000**

(i) Các Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2021 của Công ty CP In PHS & TBTH Quảng Nam và Công ty CP DVXB Giáo dục tại Đà Nẵng, vốn chủ sỡ hữu được bảo toàn. Do đó các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

12. Phải trả người bán

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hà Nội	4.223.510.900	-
NXBGD tại TP. Đà Nẵng	223.012.683	875.000.000
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	2.388.732.304	1.388.161.509
Phải trả cho các đối tượng khác	2.843.075.324	2.401.215.772
Cộng	**9.678.331.211**	**4.664.377.281**
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn		
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	14.010.000	-
Cộng	**14.010.000**	**-**

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

Công ty CP In - PH Sách & TBTH Quảng Nam	335.641.961	14.679.530
NXBGD tại TP. Đà Nẵng	223.012.683	875.000.000
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	2.402.742.304	1.388.161.509
Cộng	**2.961.396.948**	**2.277.841.039**

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế TNCN (Vãng lai)		9.752.473	167.636.972	187.070.881	9.618.436	-
Thuế TNCN	-	10.044.217	112.011.082	138.021.144	15.965.845	-
Thuế GTGT	-	9.961.336	9.996.359	14.306.679	-	5.651.016
Thuế TNDN	46.861.806	-	678.918.112	30.801.098	-	601.255.208
Các thuế khác	-	-	1.271.276	1.271.276	-	-
Phí và lệ phí	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	**46.861.806**	**29.758.026**	**972.833.801**	**374.471.078**	**25.584.281**	**606.906.224**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

14. Phải trả khác

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	39.283.158	22.159.814
Chi phí đấu thầu sách TK	1.542.631.000	2.116.252.500
Chiết khấu TM, thanh toán	518.608.880	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	783.617.541	100.686.373
Cộng	**2.884.140.579**	**2.239.098.687**
b. Dài hạn		
Tiền ký cược của các Nhà sách	9.000.000	9.000.000
Cộng	**9.000.000**	**9.000.000**

15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối kỳ
STC	4.224.399.118	-	4.224.399.118	-
FTS	-	2.986.849.289	2.986.849.289	-
KBSV	-	2.048.592.331	2.048.592.331	-
Cộng	**4.224.399.118**	**5.035.441.620**	**9.259.840.738**	**-**

Các khoản vay ngắn hạn trên nhằm mục đích thanh toán cho các giao dịch mua chứng khoán. Thời hạn vay: 90 ngày từ khi giải ngân. Lãi suất cho vay: Quy định từng thời điểm. Tài sản đảm bảo là các chứng khoán công ty đang nắm giữ tại thời điểm vay.

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2020	14.986.800.000	2.859.726.199	2.320.463.444	15.017.992.472
Tăng trong kỳ	-	-	242.064.512	4.841.290.247
Giảm trong kỳ	-	-	-	3.511.384.756
Số dư tại 31/12/2020	**14.986.800.000**	**2.859.726.199**	**2.562.527.956**	**16.347.897.963**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2021	14.986.800.000	2.859.726.199	2.562.527.956	16.347.897.963
Tăng trong kỳ	-	-	-	2.706.700.649
Giảm trong kỳ	-	-	-	2.098.152.000
Số dư tại 30/6/2021	**14.986.800.000**	**2.859.726.199**	**2.562.527.956**	**16.956.446.612**

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/6/2021	01/01/2021
Vốn góp của Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	4.407.610.000	4.407.610.000
Vốn góp của các cổ đông khác	10.579.190.000	10.579.190.000
Cộng	**14.986.800.000**	**14.986.800.000**

c. Cổ phiếu

	30/6/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.498.680	1.498.680
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.498.680	1.498.680
- Cổ phiếu phổ thông	*1.498.680*	*1.498.680*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.498.680	1.498.680
- Cổ phiếu phổ thông	*1.498.680*	*1.498.680*

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	16.347.897.963	15.017.992.472
Lợi nhuận sau thuế TNDN năm nay	2.706.700.649	4.841.290.247
Phân phối lợi nhuận	2.098.152.000	3.511.384.756
Phân phối lợi nhuận năm trước	2.098.152.000	2.397.888.000
- Trả cổ tức cho các cổ đông	*2.098.152.000*	*2.397.888.000*
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	1.113.496.756
- Quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ (5%)	-	*242.064.512*
- Quỹ khen thưởng Ban điều hành (5%)	-	*629.367.732*
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (13%)	-	*242.064.512*
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	**16.956.446.612**	**16.347.897.963**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Công ty phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/NQ-DAEBCO ngày 19 tháng 4 năm 2021.

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
+ Doanh thu sách giáo khoa	*3.958.052*	*14.890.520*
+ Doanh thu sách bổ trợ	*4.506.304.467*	*4.334.442.648*
+ Doanh thu sách tham khảo	*27.090.396.437*	*22.375.716.980*
+ Doanh thu bản đồ, tranh ảnh giáo dục	*2.505.302.720*	*1.129.634.480*
+ Doanh thu khác	*18.613.636*	-
Cộng	**34.124.575.312**	**27.854.684.628**

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Các khoản giảm trừ doanh thu		
+ Chiết khấu thương mại	*498.351.930*	*395.730.475*
+ Hàng bán bị trả lại	*49.559.680*	*5.779.200*
Cộng	**547.911.610**	**401.509.675**

3. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
+ Giá vốn sách giáo khoa	*2.884.380*	*12.084.207*
+ Giá vốn sách bổ trợ	*2.964.535.854*	*2.899.332.431*
+ Giá vốn sách tham khảo	*18.860.579.856*	*14.583.489.919*
+ Giá vốn bản đồ, tranh ảnh giáo dục	*2.270.066.240*	*1.014.863.673*
+ Thuế giá trị gia tăng đầu vào không được khấu trừ	*888.902.470*	*438.806.374*
Cộng	**24.986.968.800**	**18.948.576.604**

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	30.904.900	237.820.957

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

DT đầu tư cổ phiếu mục đích thương mại	2.034.047.336	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	54.028.200	81.911.600
Cộng	**2.118.980.436**	**319.732.557**

5. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Chiết khấu thanh toán nhanh	225.855.168	123.955.060
Chi phí lãi vay	-	62.774.425
CP đầu tư cổ phiếu mục đích đầu tư	670.109.819	-
Dự phòng tổn thất vốn đầu tư dài hạn	-	(268.482.071)
Cộng	**895.964.987**	**(81.752.586)**

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nhiệp		
Tiền lương, tiền ăn ca và các khoản trích theo lương	1.702.220.202	1.476.041.045
Khấu hao TSCĐ	175.911.541	86.785.195
Sửa chữa thường xuyên, công cụ dụng cụ	324.758.361	66.323.056
Giao dịch, hội nghị, khánh tiết	518.827.178	367.827.728
Các chi phí khác	982.498.843	1.197.285.493
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	215.917.701	81.939.094
Cộng	**3.920.133.826**	**3.276.201.611**
b. Các khoản chi phí bán hàng		
Tiền lương và các khoản trích theo lương	1.972.238.791	1.804.050.164
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	270.212.456	230.992.563
Chi phí thuê kho	152.000.001	190.909.090
Tuyên truyền, quảng cáo	112.506.516	106.640.390
Cộng	**2.506.957.764**	**2.332.592.207**

7. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Các khoản khác	-	17.198.465
Cộng	**-**	**17.198.465**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.385.618.761	3.280.091.209
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	8.971.800	(14.763.135)
+ Điều chỉnh tăng (Thù lao HĐQT không tham gia điều hành)	*63.000.000*	*49.950.000*
+ Điều chỉnh giảm (Cổ tức lợi nhuận được chia)	*54.028.200*	*81.911.600*
Tổng thu nhập chịu thuế	3.394.590.561	3.265.328.074
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**678.918.112**	**694.068.276**

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Lợi nhuận sau thuế TNDN	2.706.700.649	2.586.022.933
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(465.484.128)
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	465.484.128
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.706.700.649	2.120.538.805
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.498.680	1.498.680
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**1.806**	**1.415**

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.229.634.276	4.577.895.558
Chi phí nhân công	3.674.458.993	3.492.496.043
Chi phí khấu hao tài sản cố định	175.911.541	86.785.195
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.485.833.896	8.617.522.003
Chi phí khác bằng tiền	989.361.116	998.931.132
Cộng	**19.555.199.822**	**17.773.629.931**

VIII. Những thông tin khác

1. Công cụ tài chính

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các

cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá nguyên liệu.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu. Để quản lý rủi ro này, Công ty lên dự toán nhập mua nguyên vật liệu, theo dõi biến động thị trường để đảm bảo nguồn nguyên vật liệu với giá cả hợp lý nhất.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các công ty trong hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, khả năng thanh toán kịp thời. Đối với các khoản nợ quá hạn thanh toán Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi để có nguồn bù đắp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhàn rỗi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các tài sản hiện có tại Công ty như sau:

30/6/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.191.699.803	-	6.191.699.803
Phải thu khách hàng	18.045.191.297	-	18.045.191.297
Đầu tư tài chính	6.933.355.461	593.390.084	7.526.745.545
Phải thu khác	71.205.992	-	71.205.992
	31.241.452.553	**593.390.084**	**31.834.842.637**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

01/01/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.167.511.421	-	15.167.511.421
Phải thu khách hàng	7.293.283.756	-	7.293.283.756
Đầu tư tài chính	8.226.907.570	593.390.084	8.820.297.654
Phải thu khác	78.660.088	-	78660.088
	30.766.362.835	**593.390.084**	**31.359.752.919**

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đến hạn.

Tổng hợp các khoản nợ phải trả của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

30/6/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	9.678.331.211	14.010.000	9.692.341.211
Phải trả khác	2.844.857.421	9.000.000	2.853.857.421
	12.523.188.632	**23.010.000**	**12.546.198.632**

01/01/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	4.664.377.281	-	4.664.377.281
Vay và nợ thuê tài chính	4.224.399.118	-	4.224.399.118
Phải trả khác	2.216.938.873	9.000.000	2.225.938.873
	11.105.715.272	**9.000.000**	**11.114.715.272**

2. Thông tin các bên liên quan

a. Các bên liên quan trong kỳ

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Công ty đầu tư
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Đà Nẵng	Đơn vị phụ thuộc của công ty đầu tư
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Hà Nội	Đơn vị phụ thuộc của công ty đầu tư
Công ty CP ĐT&PT Trường PTCN Giáo dục	Đơn vị phụ thuộc của công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Miền Bắc	Công ty liên kết
Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP.Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP In - PHS & TBTH Quảng Nam	Chung công ty đầu tư
Cty CP dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Cty CP dịch vụ xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP bản đồ & tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Bình Dương	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hà Nội	Chung công ty đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ

Bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2021	Năm 2020
Bán hàng			
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Cung ứng sách	754.337.920	1.130.975.520
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hà Nội	Cung ứng sách	3.924.957.220	3.857.547.760
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Đà Nẵng	Cung ứng sách	4.633.441.907	4.557.917.388
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Hà Nội	Cung ứng sách	60.586.130	71.021.120
Công ty CP Sách & TBGD Bình Dương	Cung ứng sách	21.722.700	5.257.920
Công ty CP Phát hành Sách GD	Cung ứng sách	1.353.816.400	1.754.691.760
Công ty CP Sách & TBGD Miền Trung	Cung ứng sách	15.596.580	38.605.120
Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam	Cung ứng sách	300.875.200	235.105.660
Công ty CP In - PHS & TBTH Quảng Nam	Cung ứng sách	-	61.163.240
Cty CP dịch vụ xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cung ứng sách	64.180.280	1.051.954.420
Mua hàng			
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP.Đà Nẵng	Phí QLB,thuê kho	773.012.683	781.677.751
Công ty CP In - PHS & TBTH Quảng Nam	In gia công	1.224.962.431	935.706.014
Cty CP dịch vụ xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Tổ chức bản thảo	3.670.246.700	3.727.566.570
Công ty CP bản đồ & tranh ảnh Giáo dục	Tập bản đồ, Atlat	2.332.702.400	1.136.390.400
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Sách tham khảo	184.956.800	961.232.400
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hà Nội	Sách tham khảo	8.428.424.020	3.896.803.040
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Hà Nội	Sách tham khảo	7.560.000	-
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Đà Nẵng	Sách giáo khoa	592.812.000	622.444.000
Công ty CP Sách & TBGD Miền Trung	Sách giáo khoa	18.812.200	311.219.500

11. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Theo đó, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh sách thiết bị trường học và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

12. Sự kiện trọng yếu phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

13. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 các Báo cáo này được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC.

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 7 năm 2021

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
Trần Trọng Hiếu	Nguyễn Thị Minh Tâm	Lý Xuân Hoàn